

Số: 74 /TB-MN 19/5

An Khánh, ngày 23 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Mức độ về sức khỏe mà trẻ em sẽ đạt được	Cuối tuổi 24 – 36 tháng, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: Nặng 14.7kg; cao 96.5cm + Trẻ gái: Nặng 13.9kg; cao 95.6cm	Cuối 3 – 4 tuổi trẻ phải đạt: + Trẻ trai: Nặng 12.9 kg đến 16.7 kg; cao 94cm đến 102cm + Trẻ gái: Nặng 12.6 kg đến 16 kg; cao 93.5cm đến 101cm - Cuối 4 – 5 tuổi, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: Nặng 14.4 kg đến 18.7kg; cao 107cm đến 109 cm + Trẻ gái: Nặng 13.8 kg đến 17.7 kg; cao 99 cm đến 108 cm - Cuối 5 – 6 tuổi, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: Nặng 16 kg đến 20.7 kg; cao 106 cm đến 116cm + Trẻ gái: Nặng 15kg đến 19.5kg; cao 104 cm đến 114cm

II	Mức độ về năng lực và hành vi mà trẻ em sẽ đạt được	- Có khả năng thích nghi với chế độ sinh hoạt - Có một số thói quen tốt trong ăn uống, vệ sinh cá nhân, giữ gìn sức khỏe và biết tự bảo vệ bản thân. - Biết vận động bò, đi, chạy, nhảy, giữ thăng bằng đứng theo độ tuổi và khả năng của trẻ. - Bước đầu biết phối hợp vận động cùng các bạn, hứng thú tham gia vận động. - Biết vận động khéo léo của bàn tay, ngón tay và khả năng phối hợp thị giác, thính giác với các vận động. - Có khả năng làm một số việc đơn giản tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Thích tò mò tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có khả năng nhận biết sự vật, hiện tượng bằng các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét và diễn đạt hiểu biết bằng những câu đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc	- Có khả năng nhận biết, phân biệt một số thực phẩm thông thường - Có một số hiểu biết về ích lợi của thực phẩm và tác dụng của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, phòng bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường. - Biết cách bảo vệ và giữ gìn vệ sinh thân thể, biết và tránh xa nơi nguy hiểm - Biết tự phục vụ, thực hiện một số thao tác đơn giản phù hợp với khả năng của trẻ. - Có một số hiểu biết về ích lợi của việc luyện tập vận động đối với sự phát triển cơ thể và bảo vệ sức khỏe. - Có khả năng thực hiện các vận động một cách tự tin và khéo léo. - Biết phối hợp vận động cùng trẻ khác, hào hứng tham gia vào các hoạt động giúp trẻ phát triển thể lực. - Có khả năng sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi trong vui chơi, học tập và sinh hoạt. - Thích tò mò, ham hiểu biết, tích cực tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, bằng lời nói, ...) và dùng ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có khả năng phát hiện và giải quyết một số vấn đề đơn giản theo những cách khác
------------------	---	--	--

		với trẻ. - Có khả năng hiểu lời nói đơn giản của những người gần gũi - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu, ngữ điệu của câu thơ, lời nói giao tiếp - Có khả năng giao tiếp bằng lời nói với những người xung quanh. - Mạnh dạn, hồn nhiên, lễ phép trong giao tiếp - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc của bản thân với người khác, với sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh. - Biết gắn bó với người thân, biết làm theo sự chỉ dẫn của người lớn. - Có khả năng thể hiện cảm xúc qua: tô màu, vẽ, nặn, xé dán, múa hát. - Có tính tự tin và tự lực trong thực hiện một số hoạt động đơn giản hàng ngày.	nhau. - Có một số hiểu biết ban đầu về các bộ phận trên cơ thể con người, cây cối, con vật, đồ vật, một số hiện tượng tự nhiên, xã hội và một số biểu tượng ban đầu về toán. - Có khả năng lắng nghe, hiểu và truyền đạt thông tin bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, vận động, ký hiệu). - Có khả năng diễn đạt mạch lạc và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có một số kỹ năng cần thiết chuẩn bị cho việc đọc và viết. - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ các trạng thái xúc cảm, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng gần gũi xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, đồng cảm với mọi người, thực hiện các quy tắc, quy định đơn giản trong cuộc sống.
--	--	---	---

III	Chương trình chăm sóc giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 17/2009TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi bổ sung một số nội dung theo Thông tư số: 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016.	- Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 17/2009TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 và được sửa đổi bổ sung một số nội dung theo Thông tư số: 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016.
IV	Các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục	- Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, CB-GV-CNV đạt chuẩn phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.	- Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, CB-GV-CNV đạt chuẩn phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Huệ

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	252	0	0	51	64	59	78
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	252	0	0	51	64	59	78
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	252	0	0	51	64	59	78
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	252	0	0	51	64	59	78
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	252	0	0	51	64	59	78
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	217	0	0	49	61	51	57
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6			1	1	1	3
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	252			51	64	59	78
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0			0			
5	Số trẻ thừa cân béo phì	28			1	2	7	18
VI	Số trẻ em học các chương trình							

	chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	51			51			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	201				64	59	78

An Khánh , ngày 22 tháng 8 năm 2023.
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Huệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TP THỦ ĐỨC**TRƯỜNG MẦM NON 19/5****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non****Năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	9	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4900.9	19,4m2/bé
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	850	3,3m2
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	80	2,8m2
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	14	0,5m2
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	22	0,7 m2
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	30	

6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	40	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	150	0,5 m2
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	252	28 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	25	0,1
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11 máy vi tính	0,04
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Tivi	9	0,03
2	Nhạc cụ (đàn organ	37	0,14
3	Máy photo	1	0,003
4	Bàn ghế đúng quy cách	117 bộ	0,46

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	9 2m2	14 m2	130/122	0,5	130/122
2	Chưa đạt chuẩn vệ	0	0	0	0	0

	sinh*					
--	-------	--	--	--	--	--

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		x	

An Khánh, ngày 22 tháng 8. năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Huệ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TRƯỜNG MẦM NON 19/5

THÔNG BÁO**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên														
I	Giáo viên	18													
1	Nhà trẻ	4			2	2				3	1	3	1		
2	Mẫu giáo	14			11	3				10	4	11	2	1	
II	Cán bộ quản lý	2													
1	Hiệu trưởng														
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác	7													

An Khánh, ngày 23 tháng 8 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)**Phạm Thị Huệ**